

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 03-5-2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Kỳ Trung
- Bà Dương Thị Mỹ Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lưu Thị T, sinh năm: 1986; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt);

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1980; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 10-10-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, không tổ chức lễ cưới, có làm lễ phạt, có đăng ký kết hôn tại xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường A, thị xã T). Ngày phạt bên chồng có cho 01 đôi bông tai, nhẫn cưới, vợ chồng bán để chi phí. Lúc đầu vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, sau đó thuê nhà trọ ở riêng được 02 tháng, vợ chồng về bên cha mẹ chồng xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho, chị đi làm công nhân, anh T1 làm thuê. Thời gian chung sống đến tháng 8 năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, anh T1 làm gì đều không nói cho chị biết, nên vợ chồng hay cãi vã gây gổ nhau, anh đi làm thợ hồ mà hay đổ nợ, chị phải trả nợ cho anh rất nhiều lần, anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị vẫn bỏ qua cho anh, anh còn yêu cầu chị lãnh trả nợ cho anh, chị không đồng ý thì vợ chồng cãi vã nhau, tới đến anh khóa cửa, ngồi mài dao, hăm dọa đòi giết ba mẹ con chị, nên sáng ngày 09-9-2023 chị bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ ngày 09 tháng 9 năm 2023. Lúc đi chị để hai con ở nhà, sau đó tự hai con về sống với chị luôn đến nay. Lúc đầu chị đi làm về anh đón đường để hành hung, đến công ty G, nên chị bị giám đốc làm việc. Thời gian này anh T1 nhiều lần nói chuyện để vợ chồng gắn lại, má chồng cũng có đến một lần, nhưng chị không đồng ý, do vợ chồng đã mất lòng tin và trước đó chị cũng đã bỏ đi rất nhiều lần, nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, mà anh T1 còn hay gây rối, không để cho chị yên tâm làm nuôi con. Do vợ chồng không còn tình cảm, chị không còn tin tưởng anh T1 nữa, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh T1.

- Về con chung: có 02 con là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 04-01-2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07-02-2007, hiện chị đang nuôi. Chị yêu cầu con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường, gác lửng, nền gạch men, mái tote, diện tích ngang 08m, dài 08m, xây trên đất của cha mẹ chồng cho, hiện anh T1 đứng tên giấy đất và đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản nào nữa cả.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29-01-2024 và qua làm việc tại toà bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 trình bày:* anh xác nhận lời trình bày của vợ anh về thời gian chung sống, có đăng ký hôn là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng như vợ trình bày cũng đúng, nhưng anh không có quan hệ tình cảm với ai cả, chỉ có hát karaoke chung bạn bè, cũng không có mài dao hăm dọa, anh có năn nỉ mà vợ không chịu nên bức xúc anh có hăm dọa đổ xăng đốt nhà thôi, anh vô công ty chỉ muốn gặp vợ nói chuyện, chứ không có quậy phá, gây rối gì cả. Nay vợ xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống nuôi con.

- Về con chung: có 02 con như vợ khai là đúng, hiện vợ anh đang nuôi, nhưng anh vẫn cho tiền hai con đi học.

- Về tài sản chung: có căn nhà tường như vợ khai là đúng, hiện anh đang quản lý.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Tại tòa anh cho rằng có nợ 100.000.000 đồng, anh không yêu cầu giải quyết.

Trường hợp có ly hôn thì con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

*Về tố tụng:* việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người

tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, đề nghị rút kinh nghiệm.

*Về nội dung vụ án:* căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị T đối với anh Nguyễn Thanh T1; về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07-02-2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 04-01-2005 đã thành niên nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị T xin ly hôn với anh T1 có địa chỉ tại phường A, thị xã T, Tòa án thị xã T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị T, anh T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung ông vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, nên hay cãi vã gây gổ nhau. Theo chị T là do vợ chồng sống không phù hợp, anh T1 đi làm thợ hồ không phụ tiền cho chị mà thường xuyên đổ nợ, buộc chị phải trả nợ cho anh, anh còn quan hệ tình cảm với người khác, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023, nên chị xin ly hôn. Anh T3 thừa nhận về mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày cũng đúng, nhưng anh không có quan hệ tình cảm với ai, cũng không mài dao đâm dọa, anh năn nỉ mà vợ không bỏ qua, bức xúc anh có hăm dọa đốt xăng đốt nhà, anh vô công ty chỉ muốn gặp vợ nói chuyện, chứ không có quậy phá, gây rối gì cả, vợ bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023, nay anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống nuôi con. Xét thấy, chị T không còn tin tưởng anh T3 về tình cảm và tiền bạc, nên chị kiên quyết ly hôn. Anh T3 yêu cầu đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã không còn sống chung gần 01 năm nay, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T3 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* có 02 con là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 04-01-2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07-02-2007, hiện chị đang nuôi. Chị T và anh T3 đều yêu cầu con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu H đã thành niên, nhưng còn đang đi học nên anh chị có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu; riêng cháu T2 đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Để đảm bảo

quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và đã thành niên nhưng chưa có khả năng tự lao động sinh sống được, nghỉ nên giao 02 cháu H, T2 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: có 01 căn nhà tường, gát lững, nền gạch men, mái tole, diện tích ngang 08m, dài 08m, xây trên đất của cha mẹ anh T3 cho, hiện anh T3 đứng tên giấy đất và đang quản lý, chị T, anh T3 không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị T khai không có, anh T3 khai có nợ, hai anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị T chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị T đối với anh Nguyễn Thanh T1. Chị T được ly hôn với anh T1.

2. *Về con chung*: giao 02 cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 04-01-2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07-02-2007 cho chị Lưu Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị T, anh T1 không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị T khai không có, anh T1 khai có nợ, cả hai không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Lưu Thị T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0015052 ngày 23-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân*

*sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. An Hòa, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị An**